

Phụ lục
TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TỈNH
CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 169 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Vốn còn tồn chưa giải ngân								Ghi chú
		Tổng số	Trong đó							
			Thuộc kế hoạch năm 2021			Thuộc kế hoạch năm 2020 kéo dài			Vốn thuộc kế hoạch 2020 về trước các địa phương nộp trả NS tỉnh	
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Đã phân bổ chi tiết	Chưa phân bổ chi tiết		Đã phân bổ chi tiết	Chưa phân bổ chi tiết		
	TỔNG SỐ	119,798	90,863	71,163	19,700	28,935	25,775	3,160		
A	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	119,798	90,863	71,163	19,700	28,935	25,775	3,160		
I	Ngân sách địa phương	86,803	70,854	70,854		15,949	13,977	1,972		
1	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	80,770	64,896	64,896		15,873	13,901	1,972		
(1)	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức	69,652	61,536	61,536		8,116	6,417	1,699		
(2)	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4,397	330	330		4,067	4,067			
(3)	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	5,273	1,787	1,787		3,486	3,216	270		
(4)	Các nguồn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2019 và nguồn tiết kiệm chi chưa sử dụng hết	201				201	201			
(5)	Các nguồn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2020	1,242	1,242	1,242						
(6)	Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2019	3				3		3		

TT	Nguồn vốn	Vốn còn tồn chưa giải ngân								Ghi chú
		Tổng số	Trong đó							
			Thuộc kế hoạch năm 2021			Thuộc kế hoạch năm 2020 kéo dài			Vốn thuộc kế hoạch 2020 về trước các địa phương nộp trả NS tỉnh	
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
			Đã phân bổ chi tiết	Chưa phân bổ chi tiết		Đã phân bổ chi tiết	Chưa phân bổ chi tiết			
2	Đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	75				75	75			
3	Nguồn thu được để lại đầu tư	5,958	5,958	5,958						
-	Nguồn thu phí sử dụng hạ tầng tại KKT cửa khẩu	5,958	5,958	5,958						
B	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	32,995	20,009	309	19,700	12,986	11,798	1,188		
1	Các chương trình mục tiêu quốc gia	22,132	19,700		19,700	2,432	2,162	270		
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	2,123				2,123	2,123			
-	Chương trình Viện trợ không hoàn lại của chính phủ Ai Len	20,008	19,700		19,700	308	39	270		
2	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình mục tiêu và các khoản chi cụ thể khác	8,464	309	309		8,155	8,155			
-	Ngành/ lĩnh vực Công nghiệp	0	0	0						
-	Ngành/ lĩnh vực Công nghiệp	309	309	309						
-	Hỗ trợ đồng bào miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg	4				4	4			
-	Hỗ trợ đồng bào miền núi theo Quyết định số 2086/QĐ-TTg	641				641	641			
-	Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương 2020	1				1	1			
-	Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương 2020 - các dự án cấp bách	1,789				1,789	1,789			

TT	Nguồn vốn	Vốn còn tồn chưa giải ngân								Ghi chú
		Tổng số	Trong đó							
			Thuộc kế hoạch năm 2021			Thuộc kế hoạch năm 2020 kéo dài			Vốn thuộc kế hoạch 2020 về trước các địa phương nộp trả NS tỉnh	
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
				Đã phân bổ chi tiết	Chưa phân bổ chi tiết		Đã phân bổ chi tiết	Chưa phân bổ chi tiết		
-	Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương 2019 - các dự án cấp bách, khẩn cấp	5,721				5,721	5,721			
3	Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài	2,399				2,399	1,480	919		
-	Vốn cấp phát từ NSTW	2,399				2,399	1,480	919		